

5-12K

Biến tần lưu trữ năng lượng

S6-EH3P(5-10)K-H
S6-EH3P12K-H-EU(21A)

Ba pha | Điện áp cao

ưu điểm nổi bật

★ Hỗ trợ tối đa 4 MPPT, phù hợp với tình huống có nhiều hướng và góc khuất, để cải thiện khả năng phát điện

ưu điểm hàng đầu

- Hỗ trợ đầu vào PV lên đến 160% công suất DC danh định của bộ biến tần, tăng tối đa mức sử dụng năng lượng mặt trời
- Hỗ trợ dòng điện đầu vào PV lên đến 21 A, tương thích với mô-đun PV công suất cao hơn trong tương lai
- Mức quá tải 160% trong 60 giây ở chế độ ngoài lưới điện, bảo đảm khả năng khởi động ổn định cho động cơ, máy bơm nước và hệ thống điều hòa không khí
- Chuyển đổi liền mạch giữa hai chế độ lưới điện và ngoài lưới điện trong chưa đến 10 mili giây, bảo đảm khả năng cấp điện liên tục
- Hỗ trợ đầu ra ba pha không cân bằng, mỗi pha hỗ trợ đầu ra tối đa là 50% công suất danh định của bộ biến tần
- Hỗ trợ kết nối nguồn điện hòa lưới PV hiện có để kiểm soát mức hòa lưới và sử dụng ngoài lưới điện
- Hỗ trợ sử dụng máy phát điện phụ trợ điện lưới, thích ứng với các tình huống nguồn cấp điện không đủ
- Hỗ trợ tối đa 6 thành phần song song, tăng mức điện dung của hệ thống
- Mức ắc-quy dự phòng có thể tùy chỉnh để bảo đảm nguồn điện không bị gián đoạn
- Chế độ chỉ PV ngoài lưới điện, để giảm chi phí đầu tư ban đầu
- SolisCloud: Điều khiển từ xa thông minh, tối ưu hóa bằng AI và khắc phục sự cố tức thì – tất cả trong một nền tảng
- Tiêu chuẩn chống xâm nhập IP66, thích ứng với điều kiện môi trường khắc nghiệt

VIỆT NAM
t: +84 98 316 8126 (việc bán hàng) +84 24 7109 7614 (dịch vụ)
e: sales@ginlong.com service@ginlong.com
w: solisinverters.com/vn

Bảng thông số

Mô hình	5K2	6K2	8K2	10K2	5K-EU	6K-EU	8K-EU	10K-EU	12K-EU(21A)
Đầu vào DC (pin quang điện)									
Kích thước mảng PV tối đa được đề xuất	10 kW	12 kW	16 kW	20 kW	10 kW	12 kW	16 kW	20 kW	24 kW
Công suất đầu vào PV tối đa có thể sử dụng	8 kW	9.6 kW	12.8 kW	16 kW	8 kW	9.6 kW	12.8 kW	16 kW	19.2 kW
Điện áp đầu vào tối đa	1000 V								
Điện áp định mức	600 V								
Điện áp khởi động	160 V								
Dải điện áp MPPT	200 - 850 V								
Dòng điện đầu vào tối đa	16 A / 16 A				16 A / 16 A / 16 A		4 × 16 A		4 × 21 A
Dòng điện tối đa trên mỗi đầu vào DC	16 A								21 A
Dòng điện ngắn mạch tối đa	24 A / 24 A				24 A / 24 A / 24 A		4 × 24 A		4 × 31.5 A
Số lượng MPPT / số chuỗi đầu vào tối đa	2 / 2				3 / 3		4 / 4		
Pin									
Loại pin	Pin Li-ion								
Dải điện áp pin	120 - 600 V ①								120 - 700 V
Dòng điện sạc / xả tối đa	25 A		50 A		25 A		50 A		
Số cổng pin / Số cổng BMS	1 / 1								
Truyền thông	CAN / RS485								
Đầu ra AC (Phía lưới)									
Công suất đầu ra định mức	5 kW	6 kW	8 kW	10 kW	5 kW	6 kW	8 kW	10 kW	12 kW
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa	5 kVA	6 kVA	8 kVA	10 kVA	5 kVA	6 kVA	8 kVA	10 kVA	12 kVA
Điện áp lưới định mức	3/N/PE, 220 V / 380 V, 230 V / 400 V								
Tần số lưới định mức	50 Hz / 60 Hz								
Dòng điện đầu ra lưới điện định mức	7.6 A / 7.2 A	9.1 A / 8.7 A	12.2 A / 11.5 A	15.2 A / 14.4 A	7.6 A / 7.2 A	9.1 A / 8.7 A	12.2 A / 11.5 A	15.2 A / 14.4 A	18.2 A / 17.3 A
Hệ số công suất	>0.99 (-0.8 -> + 0.8)								
Tổng độ méo sóng hài	< 3%								
Đầu vào AC (phía lưới)									
Công suất đầu vào tối đa	7.5 kW	9 kW	12 kW	15 kW	7.5 kW	9 kW	12 kW	15 kW	18 kW
Dải điện áp đầu vào	304 - 437 V / 320 - 460 V								
Dòng điện đầu vào tối đa	11.4 A / 10.9 A	13.6 A / 13.0 A	18.2 A / 17.4 A	22.7 A / 21.7 A	11.4 A / 10.9 A	13.6 A / 13.0 A	18.2 A / 17.4 A	22.7 A / 21.7 A	27.3 A / 26.0 A
Đầu ra AC (Ngõ dự phòng)									
Công suất đầu ra định mức	5 kW	6 kW	8 kW	10 kW	5 kW	6 kW	8 kW	10 kW	12 kW
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa	1.6 lần công suất định mức, 60 s								
Thời gian chuyển đổi dự phòng ②	< 10 ms								
Điện áp đầu ra định mức	3/N/PE, 220 V / 380 V, 230 V / 400 V								
Tần số định mức	50 Hz / 60 Hz								
Dòng điện đầu ra định mức	7.6 A / 7.2 A	9.1 A / 8.7 A	12.2 A / 11.5 A	15.2 A / 14.4 A	7.6 A / 7.2 A	9.1 A / 8.7 A	12.2 A / 11.5 A	15.2 A / 14.4 A	18.2 A / 17.3 A
Dòng điện AC tối đa cho phép	7.6 A / 7.2 A	9.1 A / 8.7 A	12.2 A / 11.5 A	15.2 A / 14.4 A	7.6 A / 7.2 A	9.1 A / 8.7 A	12.2 A / 11.5 A	15.2 A / 14.4 A	18.2 A / 17.3 A
Độ méo sóng hài điện áp (tải tuyến tính)	< 2%								< 3%
Hiệu suất									
Hiệu suất tối đa	96.50%	97.00%	97.50%	97.90%	96.50%	97.00%	97.50%	97.90%	97.85%
Hiệu suất Châu Âu	96.77%	97.10%	97.41%	97.51%	96.77%	97.10%	97.41%	97.51%	97.51%
BAT được sạc bằng hiệu suất PV / AC tối đa	98.37% / 97.32%	98.45% / 97.34%	98.22% / 97.50%	98.31% / 97.50%	98.37% / 97.32%	98.45% / 97.34%	98.22% / 97.50%	98.31% / 97.50%	98.31% / 97.50%
Hiệu suất xả pin	97.32%	97.34%	97.50%	97.50%	97.32%	97.34%	97.50%	97.50%	97.50%
Bảo vệ									
Bảo vệ chống sét	Loại III DC / Loại III AC				Loại II DC / Loại II AC (Tùy chọn)				
Bảo vệ quá dòng đầu ra	Có								
Theo dõi điện trở cách điện	Có								
Phát hiện dòng điện dư	Có								
Công tắc PV tích hợp	Có								
Bảo vệ ngược cực DC	Có								
Lớp bảo vệ / Loại quá điện áp	I / II(PV và BAT), III (MAINS và BACKUP)								
Tích hợp AFCI 2.0	Tùy chọn								
Bảo vệ chống đảo	Có								
Thông số chung									
Công suất tối đa cho mỗi pha	Công suất định mức 50%								
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)	563 × 412 × 209 mm		563 × 412 × 230 mm		563 × 412 × 209 mm		600 × 500 × 230 mm		
Trọng lượng	27.6 kg		30.2 kg		27.6 kg		30.2 kg		34.5 kg
Cấu trúc mạch biến tần	Không biến áp								
Công suất tự tiêu thụ	< 25 W								
Khoảng nhiệt độ hoạt động	-25 ~ +60°C								
Độ ẩm tương đối	0 - 100%								
Bảo vệ xâm nhập	IP66								
Phát ra tiếng ồn (điển hình)	< 46.9 dB(A)								
Cách thức làm mát	Làm mát tự nhiên								
Độ cao so với mực nước biển tối đa để hoạt động	4000 m								
Tiêu chuẩn kết nối lưới điện	G98 hoặc G99, VDE-AR-N 4105/VDE V 0124, EN 50549-1, VDE 0126/UTE C 15/VFR:2019, RD 1699/RD 244/UNE 206006/UNE 206007-1, CEI 0-21, C10/11, NRS 097-2-1, TOR, EIFS 2018.2, IEC 62116, IEC 61727, IEC 60068, IEC 61683, EN 50530, MEA, PEA								
Tiêu chuẩn an toàn / EMC	IEC/EN 62109-1/-2, IEC/EN 61000-6-1/-3								
Đặc trưng									
Kết nối PV	Đầu nối MC4								
Kết nối pin	Đầu cắm kết nối nhanh								
Kết nối AC	Đầu cắm kết nối nhanh								
Hiển thị	Đèn báo LED & Bluetooth + Ứng dụng								
Giao diện giao tiếp	Tiêu chuẩn: WIFI+LAN+Bluetooth, CAN-BMS, CAN-Parallel×2, RS485-Meter, RS485, DRM, DI, DO								

① Hỗ trợ điện áp pin tối đa lên đến 700V.

② Từ Chế độ Hòa Lưới sang Chế độ Độc Lập: Đối với hệ thống một biến tần, thời gian chuyển đổi <10ms. Đối với hệ thống song song gồm tối đa 6 biến tần, thời gian chuyển đổi <20ms. Nếu khách hàng muốn kết nối song song hơn 6 biến tần, vui lòng liên hệ Đội ngũ Kỹ thuật Solis.